

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(đã được soát xét)



NỘI DUNG

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 - 26
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101612880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 02 năm 2005 với tên gọi ban đầu là Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại 249. Năm 2009, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Solavina. Năm 2019, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 08 tháng 07 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng G, Tòa nhà The Manor 2, Số 91, Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Michael Marc Lee	Chủ tịch	(Bỏ nhiệm ngày 28 tháng 07 năm 2020)
Ông Phạm Việt Cường	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 28 tháng 07 năm 2020)
Ông Đậu Phi Thuần	Thành viên	
Ông Callum Fraser	Thành viên	
Bà Nguyễn Sương Đào	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Chiến	Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 31 tháng 07 năm 2020)
Ông Michael Marc Lee	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 31 tháng 07 năm 2020)
Ông Nguyễn Anh Trung	Giám đốc Chi nhánh	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Chiến

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 07 năm 2020

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam được lập ngày 31 tháng 07 năm 2020, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4 - Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty đã đầu tư 200 tỷ vào Công ty Cổ phần Cyan để thực hiện dự án "Tổ hợp khách sạn và dịch vụ du lịch Cyan". Công ty tin tưởng và kỳ vọng vào khả năng sinh lời từ việc đầu tư dự án, do đó trong 6 tháng đầu năm 2020, Công ty đã thực hiện thu hồi các khoản vốn đầu tư từ các hợp đồng trước đây theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty để có nguồn tài chính đầu tư vào Công ty Cổ phần Cyan.

Vấn đề khác

- Ngày 22/01/2020, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã ban hành Thông báo số 72/TB-SGDHN về việc đưa cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam (tên cũ: Công ty Cổ phần Solavina Việt Nam), mã chứng khoán: SVN, ra khỏi diện bị kiểm soát, chuyển sang diện bị cảnh báo kể từ ngày 03/02/2020 do đã khắc phục được các nguyên nhân dẫn đến việc chứng khoán bị kiểm soát và không vi phạm quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán trong tối thiểu 6 tháng tiếp theo kể từ ngày chứng khoán của Công ty đưa vào diện bị kiểm soát.

- Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 25 tháng 03 năm 2020.

- Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 đã được soát xét bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận ngoại trừ đối với số dư tiền mặt và hàng tồn kho do không tham gia chứng kiến kiểm kê; ngoại trừ số dư trả trước cho người bán ngắn hạn do không có cơ sở đánh giá mức sinh lời hoặc rủi ro có thể xảy ra; ngoại trừ do không đủ cơ sở xác định giá trị hợp lý, đánh giá giá trị tổn thất hoặc khả năng thu hồi đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		19.922.522.805	90.958.645.458
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.101.881.560	866.148.414
111	1. Tiền		1.101.881.560	866.148.414
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.679.122.091	79.208.628.078
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.883.325.988	11.884.577.893
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	5.222.500.000	65.466.115.810
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.573.296.103	1.857.934.375
140	IV. Hàng tồn kho	8	9.864.587.025	10.661.505.772
141	1. Hàng tồn kho		9.864.587.025	10.661.505.772
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		276.932.129	222.363.194
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		276.932.129	222.363.194
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		216.429.010.988	132.255.975.751
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		232.354.688	308.854.688
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	232.354.688	308.854.688
220	II. Tài sản cố định		199.319.976	227.047.968
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	199.319.976	227.047.968
222	- Nguyên giá		277.279.929	277.279.929
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(77.959.953)	(50.231.961)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	214.800.000.000	130.288.480.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		214.800.000.000	130.288.480.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.197.336.324	1.431.593.095
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.197.336.324	1.431.593.095
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		236.351.533.793	223.214.621.209

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		15.573.323.265	2.513.361.098
310	I. Nợ ngắn hạn		15.573.323.265	2.513.361.098
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	2.976.222.028	2.084.511.850
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	12.336.000.000	
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	70.738.127	28.714.964
314	4. Phải trả người lao động		45.000.000	
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	21.944.444	276.715.618
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	106.143.090	106.143.090
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		17.275.576	17.275.576
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		220.778.210.528	220.701.260.111
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	220.778.210.528	220.701.260.111
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		210.000.000.000	210.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		210.000.000.000	210.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		87.934.868	87.934.868
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		136.465.222	136.465.222
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.553.810.438	10.476.860.021
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		10.476.860.021	10.400.588.912
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		76.950.417	76.271.109
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		236.351.533.793	223.214.621.209







Lương Thị Thu Dung
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Huyền
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chiến
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 07 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	769.196.129	-
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		769.196.129	-
11	4. Giá vốn hàng bán	19	735.750.747	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		33.445.382	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	3.000.124.039	6.502
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	2.744.874.375	326.809.437
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		288.695.046	(326.802.935)
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác	22	151.111.412	-
40	13. Lợi nhuận khác		(151.111.412)	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		137.583.634	(326.802.935)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	60.633.217	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		76.950.417	(326.802.935)

huB



Lương Thị Thu Dung

Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 07 năm 2020

Nguyễn Thị Thu Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chiến

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		137.583.634	(326.802.935)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		27.727.992	7.727.994
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.000.124.039)	(6.502)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(2.834.812.413)	(319.081.443)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		70.551.437.052	(3.799.686)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		796.918.747	(68.650.098)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		13.026.657.896	-
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		234.256.771	90.023.951
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(27.328.946)	(500.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		81.747.129.107	(801.507.276)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
25	1. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(96.511.520.000)	-
26	2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.000.000.000	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		124.039	6.502
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(81.511.395.961)	6.502
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		235.733.146	(801.500.774)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		866.148.414	2.368.772.831
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	1.101.881.560	1.567.272.057

Thu B

Thu H



Chiến

Lương Thị Thu Dung

Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 07 năm 2020

Nguyễn Thị Thu Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chiến

Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101612880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 02 năm 2005 với tên gọi ban đầu là Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại 249. Năm 2009, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Solavina. Năm 2019, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 08 tháng 07 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng G, Tòa nhà The Manor 2, Số 91, Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 210.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 210.000.000.000 đồng; tương đương 21.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại và Đầu tư.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 2512/2019/NQ-HĐQT ngày 25/12/2019, Công ty quyết định thu hồi các khoản tạm ứng, ứng trước tiền mua hàng tại Công ty và các Chi nhánh của Công ty đối với các hợp đồng không đem lại hiệu quả kinh tế cao; thoái vốn các khoản đầu tư tài chính dài hạn và thu hồi khoản vốn hợp tác đầu tư để có nguồn tài chính đầu tư vào Công ty Cổ phần Cyan. Do đó, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và trả trước cho người bán ngắn hạn giảm mạnh, các khoản đầu tư tài chính dài hạn tăng mạnh.

Công ty thực hiện kế hoạch bán toàn bộ lượng hàng hóa tồn kho để có nguồn tài chính đầu tư dự án, do đó trong kỳ Công ty phát sinh doanh thu và giá vốn bán hàng hóa.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau Địa chỉ

+ Chi nhánh Công ty Cổ phần Solavina tại Đắk Lắk

Số 185 Giải Phóng, Thị trấn Phước An, Huyện Krông Pắc, Đắk Lắk

+ Chi nhánh Công ty Cổ phần Solavina tại Kon Tum

Thông Măng Đen, Xã Đắk Long, Huyện Kon Plông, Kon Tum

+ Chi nhánh Công ty Cổ phần Solavina tại Đắk Nông

Tổ 2, đường Nguyễn Tất Thành, Phường Nghĩa Tân, Thị xã Gia Nghĩa, Đắk Nông

+ Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam

Tầng 15, Tòa nhà Viwaseen, số 48 đường Tố Hữu, Phường Trung Vãn, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Hoạt động kinh doanh chính

Đang thực hiện các thủ tục đóng cửa chi nhánh

Đã đóng Mã số thuế, ngừng hoạt động

Đang tạm ngừng hoạt động

Kinh doanh vật liệu xây dựng; Bán buôn quặng kim loại, máy móc, thiết bị nông nghiệp.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 30 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |

2.10. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng một mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.19. Thông tin bộ phận

Do trong kỳ Công ty chỉ phát sinh doanh thu từ hoạt động thương mại và doanh thu chỉ phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Tiền mặt	952.905.671	32.657.961
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	148.975.889	833.490.453
	1.101.881.560	866.148.414

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2020	01/01/2020
	Giá gốc VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào đơn vị khác		
- Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam (*)	214.800.000.000	130.288.480.000
- Công ty Cổ phần Cyan (**)	14.800.000.000	26.800.000.000
	200.000.000.000	103.488.480.000
	214.800.000.000	130.288.480.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam (*)	Xóm Chòi Hãn, Xã Cự Thắng, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	3,10%	3,10%	Xây dựng
- Công ty Cổ phần Cyan (**)	Đường Thanh Niên, Khối Hà My Đông B, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	19,00%	19,00%	Xây dựng

Tại ngày 30/06/2020, Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty trên.

(*) Trong kỳ, Công ty thực hiện chuyển nhượng một phần cổ phần của Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam cho ông Nguyễn Đức Tùng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2020/HĐCN/VXL-NĐT ký ngày 20/03/2020:

- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần chuyển nhượng: 120.000 cổ phần
- Giá bán: 125.000 đồng/cổ phần
- Tổng giá trị hợp đồng: 15.000.000.000 đồng.
- Lãi từ việc chuyển nhượng cổ phần: 3.000.000.000 đồng.

Toàn bộ giá trị hợp đồng được cấu từ với khoản đặt cọc của ông Nguyễn Đức Tùng theo Hợp đồng đặt cọc mua cổ phần số 02.01/2020/HĐĐC/VXL-NĐT ký ngày 02/01/2020 (Chi tiết tại Thuyết minh số 12).

Số cổ phần còn lại được chuyển nhượng toàn bộ cho ông Nguyễn Đức Tùng tại ngày 04/08/2020 theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/2020/HĐCN/VXL-NĐT ký ngày 04/08/2020 (Chi tiết tại Thuyết minh số 26).

(**) Công ty Cổ phần Cyan là doanh nghiệp dự án được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 29/11/2019 với mã số doanh nghiệp 4001195461. Công ty Cổ phần Cyan là tổ chức kinh tế được thành lập để thực hiện dự án "Tổ hợp khách sạn và dịch vụ du lịch Cyan". Dự án được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 6273526147, cấp lần đầu ngày 15/09/2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 11/12/2019. Địa điểm thực hiện dự án tại Khố Hai Mỹ Đông B, đường du lịch ven biển, phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Diện tích đất sử dụng cho dự án là 17,6 ha với tổng mức đầu tư 2.259 tỷ VND, trong đó Công ty Cổ phần Cyan góp 490 tỷ VND, chiếm 21,71% tổng vốn đầu tư. Thời hạn hoạt động của dự án là 50 năm kể từ ngày 15/09/2010.

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 2512/2019/NQ-HĐQT ngày 25/12/2019, Công ty đã thu hồi các khoản tạm ứng, ứng trước tiền mua hàng tại Công ty và các Chi nhánh của Công ty đối với các hợp đồng không đem lại hiệu quả kinh tế cao để có nguồn vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Cyan.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phạm Thị Hằng	1.236.967.500	-	1.236.967.500	-
- Trần Thị Uyên	-	-	93.010.393	-
- LIANG QIANG	-	-	7.237.100.000	-
- TIAN HONGBING	-	-	3.317.500.000	-
- Cửa hàng Điện cơ Anh Tuấn	476.167.695	-	-	-
- Cửa hàng Vật liệu Xây dựng Tuấn Tiến	170.190.793	-	-	-
	1.883.325.988	-	11.884.577.893	-

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Trả trước cho người bán theo các Hợp đồng hợp tác trồng và bao tiêu sản phẩm cây nghệ (*)	5.200.000.000	-	65.050.000.000	-
+ <i>Đông Văn Quang</i>	-	-	3.930.000.000	-
+ <i>Võ Văn Cường</i>	-	-	3.540.000.000	-
+ <i>Nguyễn Văn Trang</i>	-	-	4.000.000.000	-
+ <i>Trần Thị Hoa</i>	2.000.000.000	-	7.910.000.000	-
+ <i>Dương Văn Phương</i>	-	-	3.840.000.000	-
+ <i>Nguyễn Thị Thân</i>	-	-	3.900.000.000	-
+ <i>Dương Thị Huệ</i>	-	-	3.800.000.000	-
+ <i>Nguyễn Văn Ninh</i>	-	-	3.810.000.000	-
+ <i>Nông Tiến Kiên</i>	1.820.000.000	-	3.820.000.000	-
+ <i>Vũ Văn Hòa</i>	-	-	2.480.000.000	-
+ <i>Đỗ Huy Mạc</i>	-	-	2.510.000.000	-
+ <i>Nông Văn Huy</i>	-	-	2.490.000.000	-
+ <i>Đỗ Thị Huệ</i>	-	-	2.475.000.000	-
+ <i>Nguyễn Văn Thân</i>	-	-	2.225.000.000	-
+ <i>Trần Văn Khánh</i>	-	-	2.530.000.000	-
+ <i>Lò Thị Nguu</i>	-	-	2.470.000.000	-
+ <i>Trần Huy Bảo</i>	-	-	2.070.000.000	-
+ <i>Nông Thị Vân</i>	-	-	2.515.000.000	-
+ <i>Vũ Thành Bảo</i>	-	-	2.255.000.000	-
+ <i>Phùng Quang Hợp</i>	1.380.000.000	-	2.480.000.000	-
- Công ty TNHH CZ Slovakia Việt Nam	-	-	416.115.810	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	22.500.000	-	-	-
	5.222.500.000	-	65.466.115.810	-

(*) Trong đó, Công ty ký các Hợp đồng hợp tác trồng và bao tiêu sản phẩm cây nghệ với các cá nhân và đã tạm ứng bằng tiền mặt cho các cá nhân nói trên. Công ty thỏa thuận bao tiêu thu mua sản phẩm nghệ là nguyên liệu đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngày 25/12/2019, Hội đồng quản trị ra Nghị quyết số 2512/2019/NQ-HDQT về việc thu hồi các khoản tạm ứng, ứng trước tiền mua hàng đối với các hợp đồng không đem lại hiệu quả kinh tế cao. Số tiền thu được, Công ty thực hiện góp vốn vào Công ty Cổ phần Cyan. Tính đến thời điểm 30/06/2020, Công ty đã thu hồi được 59.850.000.000 đồng, số tiền còn lại Công ty đang đơn đốc thu hồi.

7. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Tạm ứng	43.109.860	-	-	-
- Ông Nguyễn Hồng Quang (*)	1.009.440.135	-	1.009.440.135	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thanh Thủy	-	-	799.500.000	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Cyan tiền chi hộ	468.516.400	-	-	-
- Phải thu khác	52.229.708	-	48.994.240	-
	1.573.296.103	-	1.857.934.375	-
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	232.354.688	-	308.854.688	-
	232.354.688	-	308.854.688	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan	468.516.400	-	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 27)

(*) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 11.10/2019/BB-HĐQT ngày 11/10/2019, Hội đồng quản trị thống nhất về việc xử lý nợ cũ, giao ông Nguyễn Hồng Quang trực tiếp phụ trách và tiếp tục xử lý các khoản công nợ, nghĩa vụ về thuế của Công ty còn tồn tại từ thời điểm 11/10/2019 trở về trước.

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công cụ, dụng cụ	-	-	66.842.958	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.586.288.718	-	1.647.456.718	-
- Thành phẩm	337.076.457	-	337.076.457	-
- Hàng hoá	7.941.221.850	-	8.610.129.639	-
	9.864.587.025	-	10.661.505.772	-

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	77.279.929	200.000.000	277.279.929
Số dư cuối kỳ	77.279.929	200.000.000	277.279.929
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	34.775.973	15.455.988	50.231.961
- Khấu hao trong kỳ	7.727.994	19.999.998	27.727.992
Số dư cuối kỳ	42.503.967	35.455.986	77.959.953
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	42.503.956	184.544.012	227.047.968
Tại ngày cuối kỳ	34.775.962	164.544.014	199.319.976

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Chi phí thi công sửa chữa văn phòng	113.962.347	512.605.500
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	145.176.268	99.761.007
- Chi phí thiết kế website	387.506.312	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	550.691.397	819.226.588
	1.197.336.324	1.431.593.095

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND nợ	VND	VND nợ
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Le Victoire	478.853.833	478.853.833	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Thành Long	199.054.000	199.054.000	108.840.000	108.840.000
- Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	165.983.595	165.983.595	-	-
- Tổ Hợp tác Nông nghiệp xã Krông Buk	453.900.000	453.900.000	453.900.000	453.900.000
- Tổ Hợp tác Nông nghiệp xã EaYiêng	323.000.000	323.000.000	323.000.000	323.000.000
- Vũ Văn Tình	446.640.000	446.640.000	446.640.000	446.640.000
- Phải trả các đối tượng khác	908.790.600	908.790.600	752.131.850	752.131.850
	2.976.222.028	2.976.222.028	2.084.511.850	2.084.511.850
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
- Tổ Hợp tác Nông nghiệp xã Krông Buk	453.900.000	453.900.000	453.900.000	453.900.000
- Tổ Hợp tác Nông nghiệp xã EaYiêng	323.000.000	323.000.000	323.000.000	323.000.000
- Các đối tượng khác	282.200.000	282.200.000	282.200.000	282.200.000
	1.059.100.000	1.059.100.000	1.059.100.000	1.059.100.000

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Nguyễn Đức Tùng (*)	12.336.000.000	-
	12.336.000.000	-

(*) Khoản đặt cọc mua cổ phần theo Hợp đồng đặt cọc mua cổ phần số 02.01/2020/HĐĐC/VXL-NĐT ngày 02/01/2020 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam và Ông Nguyễn Đức Tùng về việc đặt cọc 27.336.000.000 đồng để mua 268.000 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam theo giá mua cổ phần tạm tính là 102.000 đồng/cổ phần.

Tại ngày 20/03/2020, hai bên đã ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần chính thức theo giá chuyển nhượng là 125.000 đồng/cổ phần, tổng giá trị hợp đồng là 15.000.000.000 đồng được trừ toàn bộ với khoản đặt cọc nêu trên, giá trị đặt cọc còn lại tại 30/06/2020 là 12.336.000.000 đồng. (Chi tiết tại Thuyết minh số 4).

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.714.964	60.633.217	27.328.946	62.019.235
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế nhà thầu	-	8.718.892	-	8.718.892
	28.714.964	72.352.109	30.328.946	70.738.127

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Chi phí thuê văn phòng	-	167.624.709
- Chi phí phải trả khác	21.944.444	109.090.909
	21.944.444	276.715.618

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	39.710.450	39.710.450
- Bảo hiểm xã hội	7.247.603	7.247.603
- Bảo hiểm y tế	858.684	858.684
- Bảo hiểm thất nghiệp	326.353	326.353
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	58.000.000	58.000.000
	106.143.090	106.143.090

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu kỳ trước	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	10.400.588.912	220.624.989.002
Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	(326.802.935)	(326.802.935)
Số dư cuối kỳ trước	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	10.073.785.977	220.298.186.067
Số dư đầu kỳ này	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	10.476.860.021	220.701.260.111
Lãi trong kỳ này	-	-	-	76.950.417	76.950.417
Số dư cuối kỳ này	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	10.553.810.438	220.778.210.528

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ (%)
M Corp Investments Limited	16.622.000.000	7,92%	16.622.000.000	7,92%
Đâu Phi Thích	13.650.000.000	6,50%	13.650.000.000	6,50%
Đâu Phi Thuận	-	0,00%	22.750.000.000	10,83%
Nguyễn Bá Thức	31.850.000.000	15,17%	9.100.000.000	4,33%
Phạm Việt Cường	45.500.000.000	21,67%	45.500.000.000	21,67%
Phạm Thị Mai Anh	28.300.000.000	13,48%	28.300.000.000	13,48%
Hoàng Thanh Tùng	18.774.000.000	8,94%	18.774.000.000	8,94%
Các cổ đông khác	55.304.000.000	26,34%	55.304.000.000	26,34%
	210.000.000.000	100%	210.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	210.000.000.000	210.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	210.000.000.000	210.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	21.000.000	21.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

f) Các quỹ Công ty

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	87.934.868	87.934.868
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	136.465.222	136.465.222
	224.400.090	224.400.090

17. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2020, các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

+ Hợp đồng thuê văn phòng số 05/19/HĐCT-KD/BITEXCO-HCM/MANOR ký ngày 29/10/2019 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam và Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh về việc cho thuê mặt bằng diện tích 162,5 m2 tại Tòa nhà The Manor Officetel - Số 89, Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh. Thời hạn thuê từ ngày 01/12/2019 đến ngày 30/11/2022. Đơn giá thuê (chưa bao gồm thuế GTGT) từ 01/12/2019 đến 30/11/2020 là 56.671.875 VND/tháng, từ 01/12/2020 đến 30/11/2022 là 60.450.000 VND/tháng.

+ Hợp đồng thuê văn phòng làm việc số 30.06/HĐTVP ký ngày 30/06/2020 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam và Công ty TNHH Le Victoire về việc cho thuê một phần mặt diện tích văn phòng tại Tầng 15 Tòa nhà Viwaseen tại địa chỉ 48 Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội. Diện tích thuê là 73,2 m2. Thời hạn thuê từ ngày 01/07/2020 đến ngày 01/07/2021. Đơn giá thuê (đã bao gồm thuế GTGT) là 20.400.000 VND/tháng.

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	769.196.129	-
	769.196.129	-

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	735.750.747	-
	735.750.747	-

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	124.039	6.502
Lãi bán các khoản đầu tư (*)	3.000.000.000	-
	3.000.124.039	6.502

(*) Khoản lãi từ việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2020/HĐCN/VXL-NĐT ngày 20/03/2020 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam và Ông Nguyễn Đức Tùng. (Chi tiết tại Thuyết minh số 4)

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.642.784	5.295.838
Chi phí nhân công	80.000.000	270.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.727.992	7.727.994
Thuế, phí, lệ phí	11.718.892	6.177.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.182.706.564	18.816.324
Chi phí khác bằng tiền	1.394.078.143	18.792.281
	2.744.874.375	326.809.437

22. CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí dừng hoạt động Chi nhánh Kon Tum	151.111.412	-
	151.111.412	-

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	137.583.634	(326.802.935)
Các khoản điều chỉnh tăng	165.582.452	-
- Chi phí không hợp lệ	165.582.452	-
Thu nhập tính thuế TNDN	303.166.086	(326.802.935)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	60.633.217	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	28.714.964	2.603.540.190
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(27.328.946)	(500.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	62.019.235	2.103.540.190

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.642.784	5.295.838
Chi phí nhân công	80.000.000	270.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.727.992	7.727.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.182.706.564	18.816.324
Chi phí khác bằng tiền	1.405.797.035	24.969.281
Tổng	2.744.874.375	326.809.437

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.101.881.560	-	866.148.414	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.688.976.779	-	14.051.366.956	-
Tổng	4.790.858.339	-	14.917.515.370	-

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	3.082.365.118	2.190.654.940
Chi phí phải trả	21.944.444	276.715.618
Tổng	3.104.309.562	2.467.370.558

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong chương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.101.881.560	-	-	1.101.881.560
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.456.622.091	232.354.688	-	3.688.976.779
	4.558.503.651	232.354.688	-	4.790.858.339
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	866.148.414	-	-	866.148.414
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.742.512.268	308.854.688	-	14.051.366.956
	14.608.660.682	308.854.688	-	14.917.515.370

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	3.082.365.118	-	-	3.082.365.118
Chi phí phải trả	21.944.444	-	-	21.944.444
	3.104.309.562	-	-	3.104.309.562
Tại ngày 01/01/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	2.190.654.940	-	-	2.190.654.940
Chi phí phải trả	276.715.618	-	-	276.715.618
	2.467.370.558	-	-	2.467.370.558

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



26. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Tại ngày 04/08/2020, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần còn lại tại Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam cho ông Nguyễn Đức Tùng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/2020/HĐCN/VXL-NĐT ký ngày 04/08/2020.

- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần chuyển nhượng: 148.000 cổ phần
- Giá bán: 125.000 đồng/cổ phần
- Tổng giá trị hợp đồng: 18.500.000.000 đồng.

Toàn bộ giá trị hợp đồng được trừ với khoản đặt cọc của ông Nguyễn Đức Tùng, số tiền 12.336.000.000 đồng (Chi tiết tại Thuyết minh số 12). Giá trị còn lại của hợp đồng, số tiền 6.164.000.000 đồng, sẽ được thanh toán trong vòng 09 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng theo quy định trong Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần.



27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Cyan	Công ty nhận đầu tư

Công ty có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu khác	468.516.400	-
- Công ty Cổ phần Cyan	468.516.400	-

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.



Lương Thị Thu Dung
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Huyền
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chiến
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 07 năm 2020